**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN KRÔNG BÚK**
**TỈNH ĐẮK LẮK**
Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày: 07/11/2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK - TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Quang Chinh;

Ông Nguyễn Ngọc Thọ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Đình Hán - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2019/TLST-HS ngày 8/10/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 24/10/2019 đối với các bị cáo:

**1.** Họ và tên: Lê Đình T, (tên gọi khác: T Cầy), sinh năm 1992, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đình Th và bà Lê Thị L; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: 02 tiền án.

Tại bản án số 12/2013/HSST ngày 03/5/2013, Tòa án nhân dân huyện K xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, ngày 03/3/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

Tại bản án số 09/2017/HSST ngày 31/3/2017, Tòa án nhân dân huyện K xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, ngày 06/11/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo Lê Đình T đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

**2.** Họ và tên: Tôn Đức G, (Tên gọi khác: G Đen), sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Đức Đ và bà Nguyễn Thị Th1; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: 01 tiền án.

Tại bản án số 31/2017/HSST ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân huyện K xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù về các tội *Trộm cắp tài sản* và *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản,* ngày 26/11/2018 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không;

Bị cáo Tôn Đức G đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Vương Thái H, sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT: Số 151 N T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi làm việc: Đại lý cây giống T H.

Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tôn Đức Đ, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt (ông Tôn Đức Đ đang chấp hành hình phạt tù theo Thông báo số 786/TB-THAHS ngày 18/6/2019 của Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K).

2. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:* Anh Trần Quốc T1.

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 17/5/2019, G điện thoại cho T và được T rủ về nhà anh T1 để nhậu, khoảng 21 giờ cùng ngày G dùng xe mô tô biển kiểm soát số 47U1-056.80 chở T về nhà trọ của T còn G đi về. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày G đi xe mô tô quay lại nhà trọ để rủ T đi ăn khuya. G điều khiển xe chở T đi xuống chợ P, trên đường đi G nói với T quan sát hai bên đường xem có tài sản để vào trộm cắp nhưng không phát hiện được gì, nên G quay xe lại đi về hướng ngã ba K1, rồi theo quốc lộ 29 đi vào xã E. Khoảng 02 giờ ngày 18/5/2019, khi đi đến thôn N, xã E, huyện K thấy vườn cây giống T H của anh Vương Thái H không có người trông coi. G dừng xe bảo T trèo qua hàng rào vào lấy cây sâu riêng giống đưa qua hàng rào cho G, lấy được 15 cây thì T trèo ra ngoài và cùng G chuyển 08 cây sầu riêng đến chỗ xe mô tô, G phát hiện vườn cây giống có camera, sợ bị phát hiện nên T cùng G chuyển các cây giống sầu riêng đem để lại bên ngoài hàng rào vườn cây giống rồi đi về.

Tại biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự và kết luận của Hội đồng định giá 2212 thuộc Ủy ban nhân dân huyện K ngày 10/6/2019 kết luận:

- 15 cây sầu riêng ghép, loại sầu riêng Malaysia (Musang King), gốc được chiết vào tháng 10 năm 2016, ghép vào tháng 8 năm 2018, tại thời điểm mất trộm chiều cao từ 90 cm đến 100 cm, thân cây có đường kính từ 1,5 cm đến 02 cm, có giá trị 2.250.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ gồm:

- 15 cây sầu riêng ghép, loại sầu riêng Malaysia (Musang King);

- Thu giữ của Tôn Đức G 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần dài, 01 đôi dép, 01 mô tô biển kiểm soát 47U1-056.80.

- Thu giữ của Lê Đình T 01 khẩu trang y tế, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo phông, 01 quần Zin, 01 đôi dép quai hậu màu đen, 01 điện thoại di động hiệu FORME.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 04/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố bị cáo Tôn Đức G về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Lê Đình T về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Đình T, Tôn Đức G phạm tội *Trộm cắp tài sản* và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Tôn Đức G từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Đình T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 15 cây sầu riêng ghép, loại sầu riêng Malaysia (Musang King) cho anh Vương Thái H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu FORME màu đen cho bị cáo Lê Đình T là chủ sở hữu hợp pháp vì không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đình T 01 khẩu trang y tế, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo phông dài tay, 01 quần zin, 01 đôi dép quai hậu màu đen.

- Trả lại cho vợ chồng ông Tôn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Th1 01 mô tô biển kiểm soát số 47U1-056.80 là chủ sở hữu hợp pháp vì khi Tôn Đức G sử dụng xe đi trộm cắp thì ông Đ, bà Th1 không biết.

- Trả lại cho bị cáo Tôn Đức G 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần dài, 01 đôi dép.

*(Các vật chứng, đồ vật có đặc điểm theo các biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20/9/2019).*

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vương Thái H không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý với quan điểm xử lý vụ án của Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp các biên bản xác định hiện trường, khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 02 giờ ngày 18 tháng 5 năm 2019, Lê Đình T và Tôn Đức G đã có hành vi lén lút vào vườn cây giống của anh H tại thôn N, xã E, huyện K trộm cắp 15 cây sầu riêng giống nhằm mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài, cây giống có tổng giá trị là 2.250.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Lê Đình T và Tôn Đức G đã phạm tội *Trộm cắp tài sản,* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

*Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:*

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

……..

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

……..

*g) Tái phạm nguy hiểm.*

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của anh H được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không bàn bạc, phân công từ trước nhưng các bị cáo đều có ý chí cùng thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm và các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, có nhân thân khác nhau nên cần đánh giá phân hóa vai trò của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra.

Bị cáo G đóng vai trò là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T cùng thực hiện hành vi phạm tội và là người thực hành tích cực khi đứng bên ngoài hàng rào giúp T chuyển cây ra ngoài, đưa ra xe mô tô và chuyển trả lại các cây giống để bên ngoài hàng rào vườn cây giống. Đối với bị cáo T sau khi được G rủ rê đã đồng ý và tham gia thực hành tích cực hành vi trộm cắp, đột nhập vào vườn cây, chuyển cây giống ra ngoài, cùng G đưa cây giống ra xe mô tô và khi G phát hiện tại vườn cây giống có Camera thì lại cùng G đưa các cây giống trả lại, để bên ngoài hàng rào vườn cây giống.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo Lê Đình T có 02 tiền án, tại bản án số 12/2013/HSST ngày 03/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 03 năm tù về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, ngày 03/3/2015 chấp hành xong hình phạt tù. Tại bản án số 09/2017/HSST ngày 31/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 tháng tù về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, ngày 06/11/2017 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích, trong bản án nêu trên bị cáo đã phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nên trong lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo G, tại bản án số 31/2017/HSST ngày 26/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xử phạt 01 năm 09 tháng tù về các tội *Trộm cắp tài sản* và *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, ngày 26/11/2018 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, các tài sản đã được trả lại anh H, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp.

[7] Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xét thấy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo, về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đề nghị là phù hợp, cần chấp nhận để áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để chấp nhận:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 15 cây sầu riêng ghép, loại sầu riêng Malaysia (Musang King) cho anh Vương Thái H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu FORME màu đen cho bị cáo Lê Đình T là chủ sở hữu hợp pháp vì không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đình T 01 khẩu trang y tế, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo phông dài tay, 01 quần zin, 01 đôi dép quai hậu màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Tôn Đức G 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần dài, 01 đôi dép.

- Trả lại cho vợ chồng ông Tôn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Th1 01 mô tô biển kiểm soát số 47U1-056.80 là chủ sở hữu hợp pháp vì khi G sử dụng chiếc xe đi trộm cắp thì ông Đ, bà Th1 không biết.

*(Các vật chứng, đồ vật có đặc điểm theo các biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20/9/2019).*

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vương Thái H không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nên không giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo Tôn Đức G, Lê Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tôn Đức G (G Đen);

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Đình T (T Cầy).

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Đình T (T Cầy), Tôn Đức G (G Đen) phạm tội *Trộm cắp tài sản.*

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình T (T Cầy) 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Tôn Đức G (G Đen) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 15 cây sầu riêng ghép, loại sầu riêng Malaysia (Musang King) cho anh Vương Thái H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu FORME màu đen cho bị cáo Lê Đình T là chủ sở hữu hợp pháp.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đình T 01 khẩu trang y tế, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo phông dài tay, 01 quần zin, 01 đôi dép quai hậu màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Tôn Đức G 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần dài, 01 đôi dép.

- Trả lại cho vợ chồng ông Tôn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Th1 01 mô tô biển kiểm soát số 47U1-056.80 là chủ sở hữu hợp pháp.

*(Các vật chứng, đồ vật có đặc điểm theo các biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20/9/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra).*

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Vương Thái H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nên không giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo Tôn Đức G, Lê Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- TAND cấp cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký, đóng dấu)*

**Hoàng Văn Vân**